TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng

Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP A (A1)**. Trụ sở: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, số C H, phường Ô, quận Đ, TP .. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Mạnh K**; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Duy H**. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc được giao đảm nhận nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Duy H: Ông **Hồ Trung T** – Chuyên gia xử lý Nợ Ngân hàng TMCP A (vắng mặt) và Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ** – Chuyên viên xử lý Nợ - Ngân hàng TMCP A - Ban xử lý nợ (có mặt); cùng địa chỉ: Số A, P, Phường B, quận T, TP . *(Theo Giấy ủy quyền số 760/UQ-TGĐ.24 ngày 23/9/2024 của Ngân hàng TMCP A).*

- *Bị đơn:*

1. Ông **Phùng Minh H1**, sinh năm 1977; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh V (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

2. Bà **Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2**, sinh năm 1990 (vắng mặt). Cùng HKTT: số D, Khóm A, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2024 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng A1) do bà Nguyễn Thị Hồng Đ là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 16/8/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A giao kết với ông Phùng Minh H1 và vợ là bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế A1 VISA (Dành cho khách hàng cá nhân), Hợp đồng số 8155/22/TD/CN/031 ngày 16/8/2022, số tài khoản thẻ tín dụng 0311900486092. Hạn mức tín dụng được phê duyệt 200.000.000đồng, hình thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, dòng thẻ: Platinum, thời hạn sử dụng: 03 năm (Từ 16/8/2022), lãi suất vay trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 27%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 40,5%/tháng (tương đương 150%) lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng; mục đích cấp thẻ: Tiêu dùng; phương thức thanh toán: Trả gốc lãi theo từng tháng chốt lãi đến ngày 20 hàng tháng; mức tối thiểu thanh toán tối thiểu 5% tổng dư nợ cuối kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng một thời gian thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng nhiều lần gởi thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng đã tạm khóa sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn từ ngày 21/02/2023. Bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 là vợ của ông Hải Đ1 cũng ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế A1 VISA số 8155/22/TD/CN/031 ngày 16/8/2022 với tư cách chủ thẻ phụ thứ 1 và trực tiếp sử dụng thẻ với mục đích tiêu dùng chung cho vợ chồng nên bà H2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cùng với ông Phùng Minh H1.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H1 và bà H2 phải thanh toán cho Ngân hàng nợ vay tính đến ngày 07/8/2024 tổng cộng 294.636.397đồng (trong đó: nợ gốc 196.308.630đồng và lãi quá hạn 98.327.767đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi ông H1 và bà H2 trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 26/9/2024, ông H1 trình bày: ông có ký thẻ tín dụng để vay 200.000.000đ nhưng không xác định lãi gốc đến thời điểm hiện tại,

đề nghị Tòa án xử vắng mặt ông. Sau khi xử xong yêu cầu Tòa án tống đạt bản án cho ông.

Bị đơn Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lại lãi suất, đối với loại thẻ Platinum thì lãi suất vay trong hạn là 24%/năm chứ không phải 27%/năm như trình bày trước đây, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (36%/năm), nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông H1 và bà H2 phải trả nguyên đơn nợ vay tính đến ngày 26/9/2024 theo bảng Sao kê giao dịch thẻ tín dụng tổng cộng 319.699.143đồng (Trong đó: nợ gốc 196.308.630đ, lãi quá hạn 123.390.513đồng) và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng 319.699.143đồng (trong đó: nợ gốc 196.308.630đ, lãi quá hạn 123.390.513đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.984.957đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà H2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích của Ngân hàng bị xâm phạm là có quyền khởi kiện; bị đơn cư trú tại thành phố V. Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bị đơn Phùng Minh H1 có đơn đề nghị xử vắng mặt, bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế A1 VISA (Dành cho khách hàng cá nhân) số 8155/22/TD/CN/O31 ngày 16/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, mức cấp tín dụng 200.000.000đồng.

Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 21/02/2023 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên Ngân hàng đã tạm khóa sử dụng thẻ, đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/02/2023 là phù hợp với sự thỏa thuận do đôi bên xác lập.

Tại đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 26/9/2024, ông H1 trình bày: ông có ký thẻ tín dụng để vay 200.000.000đ nhưng không xác định lãi gốc đến thời điểm hiện tại, đề nghị Tòa án xử vắng mặt ông; đối với bà H2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông H1 và bà H2 phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng 319.699.143đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.984.957đ – tính tròn là 15.985.000đ; hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Như phân tích trên nên đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 phải trả Ngân hàng TMCP A nợ vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế A1 VISA (Dành cho khách hàng cá nhân) số 8155/22/TD/CN/O31 ngày 16/8/2022, số tài khoản thẻ tín dụng 0311900486092 tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng 319.699.143đồng (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: nợ gốc 196.308.630đ (một trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm lẻ tám ngàn, sáu trăm ba mươi đồng) và lãi quá hạn 123.390.513đồng (một trăm hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ngàn, năm trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày 27/9/2024, ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 phải nộp 15.985.000đ (mười lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A 7.510.000đ (bảy triệu năm trăm mười ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007000 ngày 14/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận